

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 73/2017/HSST
Ngày: 26/10/2017**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Từ Quốc Thái Bình.

*Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đinh Thị Mỹ Hằng
2. Ông Nguyễn Hữu Thành*

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Võ Chí Công - Cán bộ Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 76/2017/HSST ngày 03 tháng 10 năm 2017, đối với bị cáo:

TRẦN NGỌC S - Sinh năm: 1991, tại Bình Thuận.

Nơi cư trú: Khu phố 3, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Nghề nghiệp: Không - Trình độ học vấn: 12/12.

Con ông: Trần Ngọc H, sinh năm 1968 và bà: Lương Thị L, sinh năm 1967.

Vợ: Võ Huỳnh Thơ T, sinh năm 1995; Có 01 người con sinh năm 2017.

Tiền sự - Tiền án: Không.

Nhân thân:

1/ Ngày 28/6/2011, Trần Ngọc S bị Chủ tịch UBND thị xã L, áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục - Lao động - Xã hội tỉnh Bình Thuận, với thời hạn chấp hành là 24 tháng, về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" (Quyết định số 216/QĐ-UBND). Đến ngày 30/6/2013, Trần Ngọc S đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh (Giấy chứng nhận số 152/GCN-TTCBGDLĐXH).

2/ Ngày 22/4/2014, Trần Ngọc S bị Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xử phạt 06 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" (Bản án số 28/2014/HSST). Trần Ngọc S đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/01/2015 (giấy

chứng nhận số 2/GCN-CHXHPT), đến tháng 6/2017 chấp hành xong bản án (đã được đương nhiên xóa án tích theo Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về hướng dẫn áp dụng Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2015).

Bị cáo bị bắt ngày **07/8/2017**, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã L. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 15 phút, ngày 21/6/2017, Công an phường T, thị xã L tiến hành kiểm tra hành chính nhà trọ do bà Nguyễn Thị T làm chủ, thuộc khu phố 9, phường T, thị xã L phát hiện 02 đối tượng nghi vấn có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là Trần Ngọc S và Lê Thị Thuỳ T. Qua kiểm tra đã phát hiện và thu giữ trong túi quần bên phải của Sơn 01 gói nylon màu trắng, được hàn kín, bên trong có các hạt tinh thể rắn trong suốt. Quá trình làm việc thì S khai nhận đó là ma túy đá của đối tượng tên M (còn gọi là B), S không biết chính xác họ tên và địa chỉ cụ thể của M, vừa mới cho để sử dụng cho bản thân và việc S tàng trữ trái phép chất ma túy này thì Lê Thị Thuỳ T hoàn toàn không biết.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã L đã Quyết định trưng cầu giám định đối với số ma túy thu giữ. Tại Kết luận giám định số 418/KLGĐ-PC54 ngày 27/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận, thể hiện:

- 01 (một) phong bì được niêm phong còn nguyên vẹn, có chữ ký ghi tên Trần Ngọc S và hình dấu tròn của Công an phường T. Trong phong bì có 01(một) gói nylon được hàn kín, bên trong có tinh thể màu trắng (ký hiệu M).

- Kết luận: Mẫu M gửi giám định có khối lượng **1,0059** gam; là **Methamphetamine**.

- Hoàn lại mẫu vật gửi đến giám định: 01 (một) gói nylon đã cắt lấy mẫu và 0,7899 gam mẫu M còn lại sau giám định, được niêm phong trong phong bì số 418, có hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận và chữ ký của giám định Viên Đình Trung Hiếu.

Vật chứng vụ án: Là mẫu vật gửi đến giám định được hoàn lại, Cơ quan điều tra chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự thị xã L quản lý theo biên bản lập ngày 02/10/2017.

Tại bản cáo trạng số 72/QĐ-VKS ngày 02/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Trần Ngọc S, về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L giữ quyền công tố, sau khi phân tích tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng.

Đề nghị Hội đồng xét xử; Tuyên bố: Bị cáo Trần Ngọc S, phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 194; Điểm p, điểm q Khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Phạt bị cáo Trần Ngọc S, mức án tù: 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Về biện pháp tư pháp; Áp dụng: Điểm c Khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; Điểm a Khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) gói nylon đã cắt lấy mẫu và 0,7899 gam mẫu M còn lại sau giám định, được niêm phong trong phong bì số 418, có hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận và chữ ký của giám định Viên Đinh Trung Hiếu.

- Tại phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc S khai nhận như đã khai tại cơ quan điều tra và thừa nhận cáo trạng của VKSND thị xã L truy tố là hoàn toàn đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

- Lời nói sau cùng của bị cáo Trần Ngọc S: Bị cáo thấy được hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã L, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qua điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai của bị cáo Trần Ngọc S tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, cùng các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở pháp lý kết luận: Khoảng 10 giờ 15 phút, ngày 21/6/2017, tại phòng trọ do bà Nguyễn Thị T là chủ, thuộc khu phố 9, phường T, thị xã L. Bị cáo Trần Ngọc S đã có hành vi cất giấu trong túi quần 01 bìch ma túy đá (có đặc điểm: 01 gói nylon màu trắng, được hàn kín, bên trong có các hạt tinh thể rắn trong suốt), với mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị công an phường T bắt quả tang, thu giữ cùng tang vật.

Tại Kết luận giám định số 418/KLGD-PC54 ngày 27/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận, kết luận: "Mẫu M gửi giám định có khối lượng **1,0059 gam**; là **Methamphetamine**".

Với hành vi tàng trữ trái phép 1,0059 gam Methamphetamine của bị cáo Trần Ngọc S đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố đối với bị cáo Trần Ngọc S về tội danh, điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo Trần Ngọc S, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo là người nghiện ma túy và đã từng bị Chủ tịch UBND thị xã L áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục - Lao động - Xã hội tỉnh Bình Thuận, với thời hạn là 24 tháng, về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" (Quyết định số 216/QĐ-UBND), nên bị cáo biết rõ tác hại nguy hiểm của chất ma túy và những hệ lụy từ ma túy gây ra cho con người - xã hội, cũng như việc Nhà nước nghiêm cấm mọi hành vi tàng trữ, mua bán, sử dụng ... trái phép chất ma túy và sẽ trừng trị nghiêm những ai cố ý vi phạm. Nhưng để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của mình, bị cáo đã bất chấp sự trừng trị của pháp luật, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, tàng trữ phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân.

Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Ngọc S gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, dư luận xã hội bất bình lên án. Hơn nữa, bị cáo S còn có nhân thân xấu, ngoài lần bị đưa vào cơ sở bắt buộc chữa bệnh, bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân thị xã L xử phạt 06 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" (Bản án số 28/2014/HSST ngày 22/4/2014). Sau khi chấp hành xong hình phạt tù được trở về địa phương, tuy đã được xóa án tích, thế nhưng bị cáo vẫn không lấy đó làm bài học, rèn luyện bản thân, mà tái nghiện và tiếp tục đi vào con đường phạm tội. Do đó, cần xử lý nghiêm, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để không những cải tạo, giáo dục chính bị cáo, mà còn để bị cáo có điều kiện cai nghiện ma túy, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

Xét thấy, ngày 27/11/2015, Quốc Hội khóa XIII thông qua Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 109/2015/QH13 về việc thi hành Bộ luật hình sự. Ngày 29/6/2016 Quốc Hội khóa XIII ban hành nghị quyết số 144/2016/QH13 về việc lùi hiệu lực của Bộ luật hình sự năm 2015 và bổ sung dự án luật sửa đổi bổ sung một số điều của bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2016. Ngày 13/9/2016, Tòa án nhân dân tối cao ban hành Công văn 276/2016/TANDTC ngày 13/9/2016 hướng dẫn những quy định có lợi cho người phạm tội. Đồng thời, ngày 20/6/2017, Quốc Hội ban hành Nghị quyết số 41/2017/QH14 hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14. Theo đó, tại Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: *"Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy ... thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm"* là quy định có lợi hơn so với Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2009). Xét, do chuyển biến tình hình, chính sách nhân đạo của Nhà nước và căn cứ Điểm h, Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14, cần thực hiện các quy định có lợi cho bị cáo tại Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Trần Ngọc S, Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo tình tiết sau: Quá trình điều tra và tạo phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, đã tỏ ra ăn năn hối cải với lỗi lầm của mình. Hoàn cảnh gia đình khó khăn, con còn nhỏ, vợ không có nghề nghiệp ổn định, bị cáo là lao động chính. Ngoài ra, bị cáo còn tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện tội phạm (có văn bản

đề nghị của Cơ quan CSĐT công an thị xã L). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm p, điểm q Khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

Đối với người tên M (còn gọi là B) mà bị cáo Trần Ngọc S khai là người đã cho bị cáo S gói ma túy đá. Quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng M, Cơ quan điều tra không căn cứ xác minh làm rõ để xử lý, nên không xét.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) gói nylon đã cắt lấy mẫu và 0,7899 gam mẫu M còn lại sau giám định, được niêm phong trong phong bì số 418 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận, là vật thuộc loại nhà nước cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 194; Điểm p, điểm q Khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH13 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Khoản 3 Điều 7 và Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Căn cứ vào Điểm c Khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Điểm a Khoản 2 Điều 76; Điều 99; Điều 231; Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Mục 1 Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Ngọc S, phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc S **02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày **07/8/2017**.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) gói nylon đã cắt lấy mẫu và 0,7899 gam mẫu M còn lại sau giám định, được niêm phong trong phong bì số 418 ngày 27/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận.

Hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/10/2017 giữa Cơ quan CSĐT công an thị xã L và Chi cục thi hành án dân sự thị xã L.

- Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Ngọc S có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận
- VKSND tỉnh Bình Thuận
- Phòng PC81- CA tỉnh Bình Thuận
- VKSND thị xã L
- THADS thị xã L
- Công an thị xã L
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu HS - Lưu Tòa án
- UBND địa phương nơi BC cư trú

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Từ Quốc Thái Bình

